

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUNG YÊN

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 199/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đàm Thị Kiều T, sinh năm: 2005; Địa chỉ: Thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của anh M và chị T): Cháu Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày: 11/9/2024

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T1: Anh Nguyễn Văn M – Bố đẻ.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị Kiều T kết hôn trên cơ sở cả hai bên đều tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Y, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 23/02/2024. Anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và trong việc nuôi dạy con. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã ly thân khoảng 01 tuần nay không quan tâm gì đến nhau. Nay anh M và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh, chị về việc công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị Kiều T đều xác nhận anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 11/9/2024. Ly hôn, anh M và chị T thỏa thuận giao cháu T1 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh M và chị T thỏa thuận chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của anh M và chị T là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị Kiều T đều xác nhận anh, chị không có gì chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị Kiều T thống nhất thỏa thuận để chị T chịu toàn bộ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật nên sẽ chấp nhận sự tự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị Kiều T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị Kiều T đều xác nhận anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 11/9/2024. Nay ly hôn, anh M và chị T thỏa thuận thống nhất: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 11/9/2024 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh M và chị T thỏa thuận chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh Nguyễn Văn M và chị Đàm Thị Kiều T đều xác nhận anh chị không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Hai bên thỏa thuận thống nhất để chị Đàm Thị Kiều T nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003500 ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
(Đăng ký kết hôn ngày 23/02/2024 tại UBND xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ (cũ));
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thoa